TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 10 -2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh B

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị K

2. Ông Nguyễn V H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị D

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Chí T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 03, Tổ 2, ấp 2, xã Mỹ Trà, TP C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Nguyễn Kim Tu, sinh năm 1974 (có mặt).

HKTT: Số nhà 03, Tổ 2, ấp 2, xã Mỹ Trà, TP C, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Không nhớ số nhà, Tổ 1, ấp 4, xã Mỹ Tân, TP C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Đỗ Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Tu tổ chức lễ cưới vào tháng 8/1995 và sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Chị Tu về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống xa nhau từ đó cho đến nay. Anh T nhận thấy tình cảm với chị Tu không còn, nên yêu cầu được ly hôn với chị Tu.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Chí H, sinh ngày 25/5/1997, hiện đang sống chung với anh T, con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Kim Tu trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tu và anh T tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 8/1995, không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi sống chung được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cải vả nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, chị Tu về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2000 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị Tu đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Chí H, sinh ngày 25/5/1997, hiện đang sống chung với anh T, con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Đỗ Chí T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có địa chỉ tại xã Mỹ Tân, TP C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị Tu sống chung với nhau từ năm 1995 đến năm 2000, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên chị Tu về nhà cha mẹ ruột tại tổ 1, ấp 4, xã Mỹ Tân, TP C sinh sống. Do đó, vợ chồng sống xa nhau từ năm 2000 cho đến nay.

Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Tu, chị Tu có ý kiến đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy, anh T, chị Tu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh T, chị Tu là hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Chí T và chị Nguyễn Kim Tu.

[4] Về con chung: Anh T, chị Tu thống nhất có 01 con chung tên Đỗ Chí H, sinh ngày 25/5/1997, hiện đang sống chung với anh T, con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên anh T, chị Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị Tu xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T ph chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Chí T và chị Nguyễn Kim Tu.

Về con chung: Anh T, chị Tu có 01 con chung tên Đỗ Chí H, sinh ngày 25/5/1997, đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Chí T ph chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0002395 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP C, tỉnh Đ. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.